



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

Website: www.nvs.vn

Email: contact@nvs.vn

Địa chỉ: Tầng 6 Tháp A, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Tel: (844) 3724 5999

Fax: (844) 3724 5775

Hà Nội, tháng 3 năm 2015



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 05 năm 2008.
- Vốn điều lệ: 161.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 161.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: (844) 3724 5999
- Số fax: (844) 3724 5775
- Website: www.nvs.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): không có.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt chính thức được thành lập ngày 16/05/2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với vốn điều lệ ban đầu là 42 tỷ đồng.

Ngày 11/01/2011, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 02/GPĐC-UBCK, theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán E-Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank:

- + Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- + Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank
- + Tên tiếng Anh: Navibank Securities Joint Stock Company
- + Tên viết tắt: NVS

Với mục tiêu phát triển thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên NVS đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Từ một công ty chứng khoán nhỏ, hoạt động cầm chừng, sau một thời gian hoạt động, NVS đã thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và tăng mức vốn điều lệ lên 161 tỷ đồng và ngày 19/05/2011, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK về việc tăng vốn điều lệ của NVS lên 161 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới và đã mang lại những kết quả khả quan. Cuối năm 2014, Công ty đã thực hiện thành công hợp đồng tư vấn phát hành, đại lý phát hành và đại lý đăng ký lưu ký – trái phiếu chuyển đổi cho Tổng Công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc.

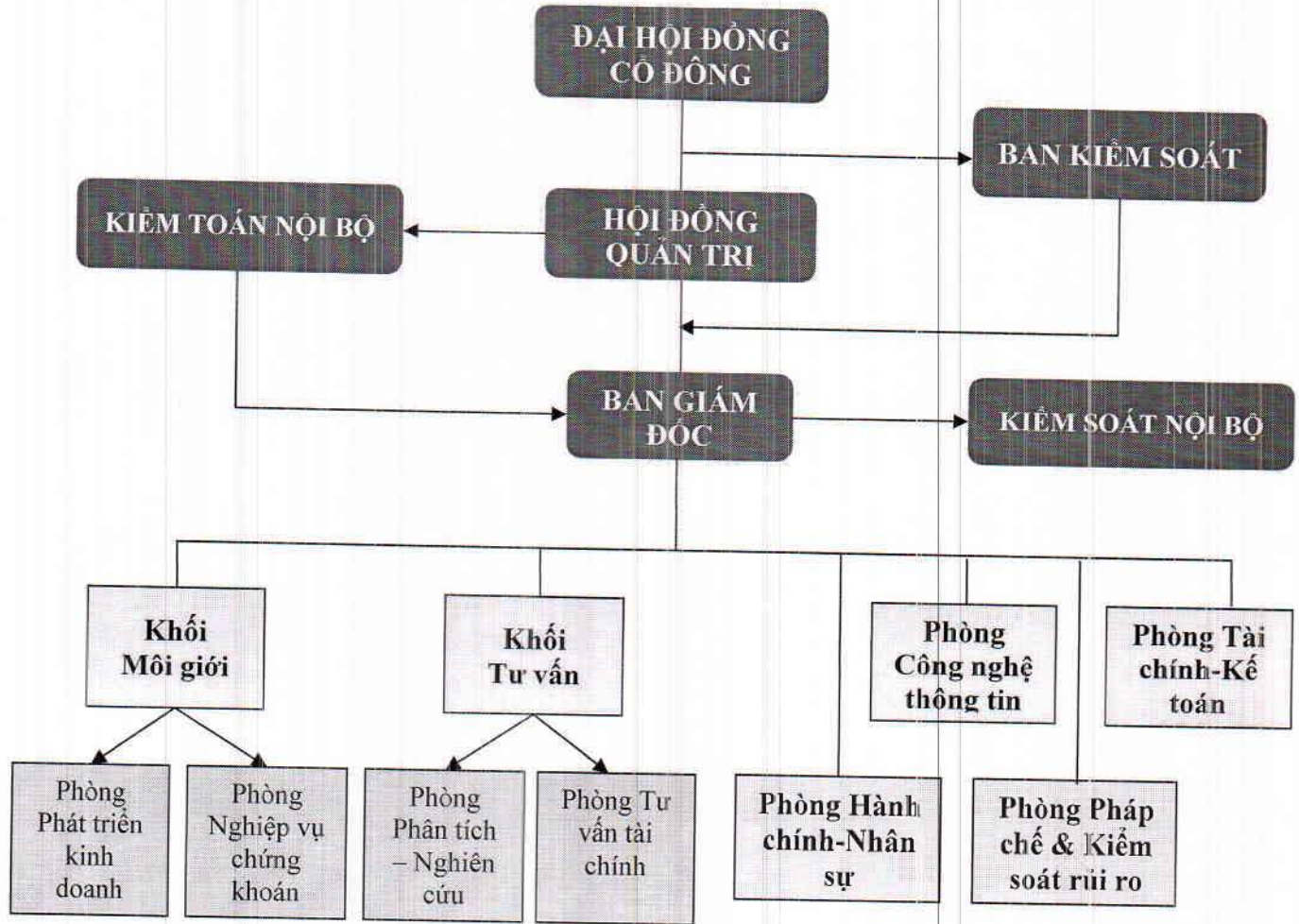
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Môi giới chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - + Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



– Các công ty con, công ty liên kết: không có.

5. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trong năm qua, Công ty vẫn tiến hành cung cấp các dịch vụ chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

Trong các dịch vụ trên, hoạt động Môi giới vẫn duy trì ở mức ổn định khách hàng cũ với mục tiêu đặt ra là nâng cao chất lượng dịch vụ; hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp được đẩy mạnh tập trung vào hoạt động thu xếp vốn và hoạt động tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp.

Có thể nói, Công ty đã tìm được hướng đi đúng phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường. Mục tiêu của khối Tư vấn tài chính là trở thành một trong những hoạt động chính của Công ty mang lại doanh thu lớn và ổn định cùng với hoạt động môi giới. Trong những năm tới Công ty sẽ tập trung phát triển mạnh hai hoạt động này.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã ra Nghị quyết về việc phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Dự kiến sẽ hoàn tất các thủ tục vào đầu năm 2015. Đây là một bước quan trọng để Công ty có thể gia tăng mạnh doanh thu từ hoạt động môi giới và tự doanh. Hoạt động tự doanh sẽ tranh thủ sự cộng hưởng từ hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, hoạt động môi giới tiếp tục phát triển theo hướng tập trung vào số ít khách hàng giao dịch lớn có hiệu quả về chất lượng, không đẩy mạnh về số lượng khách hàng. Trên hết, Công ty sẽ tập trung nguồn lực chủ yếu cho hoạt động tư vấn và đầu tư.

Trong trường hợp hoạt động tự doanh hiệu quả, Công ty sẽ cân nhắc đến việc niêm yết cổ phiếu của Công ty để huy động vốn trên thị trường chứng khoán.

6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Công ty phấn đấu trở thành nơi làm việc được chọn lựa của những người hoài bão và sáng tạo, sẵn sàng đóng góp trí tuệ và sức lực cho sự thịnh vượng chung của Công ty và cộng đồng; đồng thời, các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chú ý tới việc bảo vệ môi trường chung.

7. Các rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty là một cấu phần không tách rời trong chiến lược tổng thể của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Rủi ro được phân nhóm để đánh giá khả năng tác động tới các mục tiêu kinh doanh chính. Đó sẽ là cơ sở để Công ty đưa ra các quy trình nhận diện sớm rủi ro, lượng hóa, gắn với kế hoạch kinh doanh và có cơ chế giám sát, loại trừ. Các giải pháp về quản trị rủi ro sẽ được áp dụng, triển khai nhằm đổi mới, tối ưu hóa hoạt động và tăng trưởng bền vững doanh thu – lợi nhuận.

Bộ máy quản trị rủi ro được phân cấp rõ ràng từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đảm bảo rủi ro được xử lý bởi lãnh đạo/cá nhân chịu trách nhiệm và có thẩm quyền. Bộ máy quản trị rủi ro tại Công ty gồm: Ban lãnh đạo Công ty; Bộ máy chuyên trách về quản trị rủi ro; Ban Kiểm soát và bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Các rủi ro chính và biện pháp quản trị rủi ro:

– Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là những rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường trong giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, chính sách... tác động xấu tới giá của cổ phiếu.

Các dịch vụ kinh doanh của NVS chịu ảnh hưởng nhiều nhất của rủi ro thị trường là môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp, trong năm nay chịu ảnh hưởng nhiều vì sự biến động của thị trường.

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo đạt trên 5.9% (cao hơn so với mục tiêu 5,8% và mức 5,42% trong năm 2013) nhờ vào gia tăng trong lĩnh vực xuất khẩu. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2014 tăng 2,08% so với tháng 12/2013. Lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt. Mặt bằng lãi suất đã giảm. Các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc nền kinh tế đã được Chính phủ triển khai đồng bộ. Mặc dù xen kẽ trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ.

Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế nhưng vẫn xen kẽ nhiều khoảng điều chỉnh giảm.

Việc tái cấu trúc tổ chức kinh doanh chứng khoán cũng diễn ra mạnh mẽ. Tính đến tháng 09/2014 đã có 20 CTCK chấm dứt và đình chỉ hoạt động, giải thể, hợp nhất, giảm số CTCK thua lỗ từ 60% xuống còn dưới 20%.

Những điều này đã gây áp lực không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty đã đặt ra các biện pháp nhằm quản trị rủi ro này như sau:

+ Các dự án đầu tư đều phải được đánh giá toàn diện dựa trên quy mô thị trường mục tiêu, khả năng mở rộng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả tài chính, rủi ro liên quan trước khi được Ban Giám đốc thông qua.

+ Tích cực xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

– Rủi ro tuân thủ:

Đây là rủi ro liên quan đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK. Trong quá trình hoạt động, tất cả các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty trong năm vừa qua và những năm tiếp theo.

Trong năm 2014 đã có rất nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của TTCK, CTCK được UBCKNN, các Sở Giao dịch chứng khoán, các cơ quan quản lý ban hành. Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp lý, chỉ đạo các phòng ban, nhân viên trong Công ty thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ như:

- Thiết kế quy trình, chính sách quản trị rủi ro theo quy định mới của UBCKNN;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Tại NVS, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra. Ý thức tuân thủ cao của mỗi nhân viên, phòng ban là nguyên nhân chính giúp Công ty hạn chế rủi ro tuân thủ, tạo thành văn hóa tuân thủ tại NVS. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Việc kiểm soát được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát nội bộ cũng giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro.

Tại NVS, Nội quy công ty quy định cụ thể hình thức, biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty và Ban Giám đốc đưa ra thông điệp rõ ràng kiên quyết xử lý bất cứ cá nhân nào vi phạm. Các trường hợp vi phạm và biện pháp xử lý đã được áp dụng được thông báo rộng rãi.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2014, Công ty đã củng cố lại hoạt động môi giới, trong đó tập trung vào những khách hàng lớn có chất lượng giao dịch tốt, khối lượng giao dịch cao, không quá chú trọng vào việc gia tăng thị phần. Công ty đã hoàn tất việc đóng cửa Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để chỉ tập trung vào hoạt động môi giới ở Hội sở. Tuy nhiên, nhà đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục giao dịch bình thường thông qua hệ thống giao dịch trực tuyến của Công ty mà không gặp bất kỳ trở ngại nào.

Ngoài ra, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đã được đẩy mạnh, Công ty đã triển khai được một số hoạt động và Công ty bước đầu đã thu được phí tư vấn từ các hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu và tư vấn thu xếp vốn.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Địa chỉ thường trú	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1.	Phan Anh Tuấn	24/04/1975	Hà Nội	135 Phố Chùa Láng, Láng Thượng, Hà Nội	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ kinh tế	0
2.	Ngô Văn Doanh	22/08/1979	Phú Thọ	P409 – B11 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.	Phó Giám đốc Khối Môi giới	Cử nhân QTKD	0
3.	Nguyễn Thùy Chi	25/08/1979	Hà Nội	3/67 Cầm Hội, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	TP Hành chính-Nhân	Thạc sỹ Quản trị Nhân sự	0
4.	Nguyễn Văn Khánh	10/01/1979	Hà Nội	2 ngõ 155 Tây Sơn, Đống Đa, HN.	TP Pháp chế và Kiểm soát rủi ro	Luật sư	0
5.	Trần Anh Dũng	06/08/1983	Hà Nội	B3 Lô 10 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	Giám đốc Tư vấn	Thạc sỹ Kinh tế	0
6.	Nguyễn Thị Thu Hưng	12/01/1984	Nam Định	P3003 – CT4B, KĐT Xala, Hà Đông, HN.	TP Công nghệ Thông tin	Cử nhân Công nghệ thông tin	0
7.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	14/02/1984	Hà Tây	Khu tập thể đội xe 220, Xuân La, Tây Hồ, HN.	TP Tài chính-Kế toán	Cử nhân QT Tài chính - Kế toán	0

- Chính sách nhân sự:

Ý thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc tồn tại và phát triển nên Công ty đã và đang xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Tổng số nhân viên tính đến ngày 31/12/2014 là 23 người. Khi xây dựng chế độ tiền lương, thưởng và các chính sách dành cho người lao động, Công ty luôn mong muốn tạo mọi điều kiện cho người lao động có thu nhập tốt, an tâm, gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài việc có mức lương không thấp hơn mặt bằng chung của ngành và của xã hội, các chế độ khác đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng được chăm lo đầy đủ theo

đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra Công ty còn quan tâm đến cuộc sống tinh thần của người lao động thể hiện qua các chính sách như thăm hỏi CBNV và người nhà khi bị ốm đau, bệnh tật, tặng quà và tổ chức cho CBNV nhân ngày sinh nhật và nhân ngày kết hôn, tổ chức các buổi tham quan du lịch, tổ chức các cuộc liên hoan vào các ngày lễ, Tết, các ngày kỷ niệm. Công ty có chính sách đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng công bằng, rõ ràng để khuyến khích và vinh danh những người có tài và cống hiến hết mình cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	205,226,365,703	226,149,653,741	10.20%
Doanh thu thuần	17,925,183,980	29,324,377,815	63.59%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2,144,976,959)	5,853,305,841	372.88%
Lợi nhuận khác	(301,282,612)	2,731,650	100.91%
Lợi nhuận trước thuế	(2,446,259,571)	5,856,037,491	339.39%
Lợi nhuận sau thuế	(2,446,259,571)	5,856,037,491	339.39%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,340 (lần)	2.226 (lần)	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,189 (lần)	2.076 (lần)	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.41	0.44	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.70	0.79	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân	8.73%	12.97%	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(13.65%)	19.97%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(2.03%)	4.64%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(1.19%)	2.59%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(11.97%)	19.96%	
.....			

(Nguồn: Các hệ số tính toán dựa trên số liệu trong BCTC NVS đã kiểm toán năm 2013, 2014)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 16.100.000 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.100.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: không có.

b) Cơ cấu cổ đông:

T T	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ
01	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	00057/NH-GP	18/09/1995	1.770.000	10,99%
02	Nguyễn Sơn	022768266	02/03/2010	5.735.000	35,62%
03	Quách Thị Nga	020357411	22/06/1999	4.280.000	26,59%
04	Phạm Thị Yến	025174520	31/08/2009	4.215.000	26,18%

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

d) Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2014 ghi nhận sự tăng trưởng tốt về doanh thu của toàn Công ty với con số đạt 29.324.377.815 đồng, tăng 63.59% so với năm 2013. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới đạt 18.029.174.973 đồng tương ứng với 61.48% tổng doanh thu năm; doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 883.900.800 đồng tương ứng với 3.01% tổng doanh thu năm, doanh thu khác đạt 8.948.144.059 đồng tương ứng với 30.51% tổng doanh thu năm. Đây có thể nói là một bước ngoặt lớn của Công ty về doanh thu so với các năm trước.

Trong giai đoạn đầu năm 2014, doanh thu từ hoạt động môi giới giảm do tác động từ thị trường chứng khoán giảm. Đến cuối năm 2014, thị trường chứng khoán phục hồi đã thúc đẩy mạnh doanh thu từ hoạt động môi giới. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành cắt giảm chi phí về quy mô hoạt động cũng như về nhân sự, điều này cũng góp phần vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động tư vấn dù mới bắt đầu đẩy mạnh trong quý 4 năm 2014 nhưng đã có doanh thu ban đầu khích lệ. Đặc biệt Công ty đã giành được một Hợp đồng thu xếp vốn lớn hứa hẹn sẽ có thể đóng góp đáng kể vào doanh thu quý 1 năm 2015.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Trong năm 2014 Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng giao dịch chứng khoán tại Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng sử dụng tiền một cách linh hoạt, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn.

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Năm 2014, công ty chỉ có một số khoản tiền nhỏ gửi tiết kiệm ngắn hạn ngân hàng trong những thời điểm chưa sử dụng đến.

- Các khoản phải thu ngắn hạn: Trong năm, Công ty có một số khoản phải thu ngắn hạn gồm các khoản tiền hợp tác đầu tư và hỗ trợ tài chính cho khách hàng giao dịch tại Công ty. Các khoản phải thu này đều có tài sản đảm bảo, được kiểm soát theo một quy trình chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn.

- Tài sản dài hạn: Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản (1.72%) do Công ty chỉ mua sắm những tài sản thực sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm tài sản không có biến động gì lớn do tài sản đã được mua sắm trong những năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả: Trong năm 2014, Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014, nhân sự của Công ty đã được cơ cấu lại theo hướng gọn nhẹ hiệu quả. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của khối này trong những năm sau.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian tới, hoạt động môi giới tiếp tục phát triển theo hướng tập trung vào số ít khách hàng giao dịch lớn có hiệu quả về chất lượng, không đẩy mạnh về số lượng. Trên hết, Công ty sẽ tập trung nguồn lực chủ yếu cho hoạt động tư vấn và đầu tư.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhìn chung, các hoạt động của Công ty đều cần trọng, cân nhắc rủi ro thị trường nhằm bảo toàn vốn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Nhìn chung trong năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh, xử lý được một số vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền, và tiếp nhận báo cáo từ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị dự kiến sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty. Tập trung mở rộng hoạt động môi giới về chiều sâu, có chất lượng, không đẩy mạnh gia tăng thị phần, đi vào số lượng. Đẩy mạnh việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như phát hành trái phiếu, tư vấn M&A. Hội đồng quản trị cũng sẽ giám sát và tư vấn cho Ban Giám đốc trong hoạt động tự doanh.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

ST T	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%/vốn điều lệ)	Tình trạng thành viên	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1.	Phan Anh Tuấn	0	Thành viên điều hành	
2.	Lê Chí Phúc	0	Thành viên độc lập	
3.	Lê Kim Chi	0	Thành viên độc lập	
4.	Nguyễn Sơn	35,62	Thành viên độc lập	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Tốt.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tốt.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có.

g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%/vốn điều lệ)
1.	Đặng Đức Thiện	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Tốt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương cũng như thù lao của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương hàng tháng. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý hưởng lương hàng tháng và có các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ nào được thực hiện.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2014 không có hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ nào được thực hiện.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Các quy định về quản trị Công ty được thực hiện nghiêm chỉnh trong năm 2014.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Trích dẫn: Báo cáo kiểm toán số: 321/2015/BC.KTTC-AASC.KT2 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Báo cáo tài chính năm 2014 không có các ý kiến loại trừ.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Xem trang tiếp theo)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-29

NAVIBANK

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008, Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên	
Bà Lê Kim Chi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Lê Chí Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2014
Ông Phạm Ngọc Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Lê Quang Trí	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2014

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Phạm Ngọc Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Trương Hải Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh	Miễn nhiệm ngày 17/07/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đặng Đức Thiện	Trưởng ban
--------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CHỦ N/A B



Số: 321/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank được lập ngày 09 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1



11.1 0 + 1.1.11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		222.258.852.018	198.384.114.889
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	100.146.078.247	50.913.186.326
111	1. Tiền		93.933.678.247	34.340.489.699
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.212.400.000	16.572.696.627
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.700.000.000	12.500.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.700.000.000	12.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	107.109.215.188	134.627.581.007
131	1. Phải thu của khách hàng		2.235.233.472	12.213.830.075
132	2. Trả trước cho người bán		90.000	480.000
138	5. Các khoản phải thu khác		104.873.891.716	122.413.270.932
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		303.558.583	343.347.556
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	214.044.879	186.894.298
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.115.660	19.285.214
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	77.398.044	137.168.044
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.890.801.723	6.842.250.814
220	II. Tài sản cố định		1.454.454.271	3.616.635.329
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	892.327.089	2.529.814.062
222	- Nguyên giá		9.120.216.921	10.375.638.220
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.227.889.832)	(7.845.824.158)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	462.127.182	1.086.821.267
228	- Nguyên giá		4.708.946.430	4.620.510.225
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.246.819.248)	(3.533.688.958)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	100.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.436.347.452	3.225.615.485
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	310.579.880	1.502.491.707
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.554.685.972	1.042.780.048
268	4. Tài sản dài hạn khác		571.081.600	680.343.730
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.149.653.741	205.226.365.703

11105
CÔNG
CHÍNH
KẾ TOÁN
AI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		99.846.686.245	84.779.435.698
310	I. Nợ ngắn hạn		99.846.686.245	84.779.435.698
312	2. Phải trả người bán		27.386.039	-
313	3. Người mua trả tiền trước		-	40.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	107.161.896	300.762.976
315	5. Phải trả người lao động		300.836.823	-
316	6. Chi phí phải trả	16	905.967.916	386.828.456
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	98.505.333.571	84.051.844.266
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		126.302.967.496	120.446.930.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	126.302.967.496	120.446.930.005
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.697.032.504)	(40.553.069.995)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.149.653.741	205.226.365.703

CHẾ ĐỘ HẠN
KẾ TOÁN
SC
KIỂM - T

11/1/2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		902.409.401	902.409.401
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.717.161.900.000	3.095.874.470.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.752.922.290.000	2.194.410.720.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.752.922.290.000	1.894.410.720.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	300.000.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.156.110.000	1.156.110.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.156.110.000	1.156.110.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		954.181.470.000	872.120.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		954.181.470.000	872.120.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		8.886.200.000	28.094.690.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		8.886.200.000	28.094.690.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		15.830.000	92.950.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		15.830.000	92.950.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		45.052.340.000	5.417.980.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		45.032.340.000	5.417.980.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		45.032.340.000	5.417.980.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		20.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20.000.000	-

Nguyễn Thanh Minh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	29.324.377.815	17.925.183.980
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		18.029.174.973	7.118.967.267
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		883.900.800	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.463.157.983	1.189.036.306
01.9	Doanh thu khác		8.948.144.059	9.617.180.407
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	29.324.377.815	17.925.183.980
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	13.589.698.716	8.845.532.234
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		15.734.679.099	9.079.651.746
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	9.881.373.258	11.224.628.705
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.853.305.841	(2.144.976.959)
31	8. Thu nhập khác	22	579.633.291	5.068.017
32	9. Chi phí khác	23	576.901.641	306.350.629
40	10. Lợi nhuận khác		2.731.650	(301.282.612)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.856.037.491	(2.446.259.571)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.856.037.491	(2.446.259.571)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	364	(152)



Nguyễn Thanh Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán




Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.856.037.491	(2.446.259.571)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.785.150.016	2.780.046.486
03	- Các khoản dự phòng		-	(609.173.966)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.321.049.453)	(9.370.945.025)
06	- Chi phí lãi vay		1.736.259.152	29.058.296
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.056.397.206	(9.617.273.780)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		27.282.428.281	93.723.186.547
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.886.389.436	(29.358.321.367)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.164.761.246	350.544.576
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.555.398.041)	(29.058.296)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		214.278.130	270.634.780
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.000.000)	(73.977.538.430)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.018.856.258	(18.637.825.970)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(100.000.000)	(285.995.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		636.229.718	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.700.000.000)	(12.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.500.000.000	9.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.877.805.945	9.374.258.892
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.214.035.663	5.588.263.892
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		49.232.891.921	(13.049.562.078)

C.T.

 HỮU HẠN

 M.T.

 SC

 TIÊM - T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		50.913.186.326	63.962.748.404
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>100.146.078.247</u>	<u>50.913.186.326</u>



Nguyễn Thanh Minh
Người lập

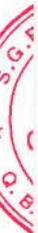


Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.553.069.995)	5.856.037.491	-	(34.697.032.504)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	120.446.930.005	5.856.037.491	-	126.302.967.496

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	-	-	161.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(38.106.810.424)	(2.446.259.571)	-	(40.553.069.995)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	122.893.189.576	(2.446.259.571)	-	120.446.930.005



Nguyễn Thanh Minh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toán



Phan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

CC
CH
NG
A
DAN

CC
C
H
N
Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán E - Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 93/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008, số 233/UBCK-GP ngày 27/04/2009, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 19/05/2011, Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 16/08/2011, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 04/08/2014 và Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GPLK ngày 16/05/2008 , Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 161.000.000.000 đồng; tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

NG
HIỆN
KIẾ
A
TIÊN

02
ON
01
NG
VI
VH

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |
| - Phần mềm giao dịch, kế toán | 05 năm |

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng;

2.13 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.14 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của người đầu tư	689.847.355	10.740.536.713.700
- Cổ phiếu	689.847.355	10.740.536.713.700
	689.847.355	10.740.536.713.700

105 - 1
CÔNG TY
SÁCH NHIỆM
HÀNG KẾ
A
HỘI

S
C
T
C
K
105

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.072.000	16.693.000
Tiền gửi ngân hàng	408.076.870	272.592.750
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	93.504.529.377	34.051.203.949
Các khoản tương đương tiền	6.212.400.000	16.572.696.627
	<u>100.146.078.247</u>	<u>50.913.186.326</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.212.400.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,3%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	14.700.000.000	12.500.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	12.000.000.000	12.500.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	2.700.000.000	-
	<u>14.700.000.000</u>	<u>12.500.000.000</u>

Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,4%/năm.

T.T.
JUN
M.TC
AS
V.KH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

đường 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2014		Tổng số dư phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số khó đòi VND	
Phải thu của khách hàng	12.213.830.075	-	2.880.394.757.746	2.890.373.354.349	2.235.233.472	-	-
- Phải thu phí quản lý tài sản	-	-	340.099.589	330.403.496	9.696.093	-	-
- Phải thu nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	11.627.507.398	-	2.877.899.366.464	2.888.116.603.715	1.410.270.147	-	-
- Phải thu phí lưu ký chứng khoán	586.322.677	-	2.155.291.693	1.926.347.138	815.267.232	-	-
Trả trước cho người bán	480.000	-	1.159.377.773	1.159.767.773	90.000	-	-
- CN Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mắt Bão	480.000	-	480.000	960.000	-	-	-
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	-	-	1.158.897.773	1.158.807.773	90.000	-	-
Các khoản phải thu khác	122.413.270.932	-	1.012.177.631.596	1.029.717.010.812	104.873.891.716	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	99.200.000.000	-	-	-	99.200.000.000	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	23.082.111.997	-	1.009.491.662.410	1.027.319.229.761	5.254.544.646	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.358.935	-	2.365.789.998	2.070.671.515	415.477.418	-	-
- Phải thu sản phẩm hợp tác TPBank ⁽²⁾	10.800.000	-	320.179.188	327.109.536	3.869.652	-	-
	134.627.581.007	-	3.893.731.767.115	3.921.250.132.934	107.109.215.188	-	-



(1) Số dư phân ánh khoản tiền hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank với các đối tác để đầu tư kinh doanh chứng khoán. Trường hợp hợp tác kinh doanh có lãi, lợi nhuận được chia đều cho 02 (hai) bên. Trường hợp hợp tác kinh doanh lỗ hoặc hòa vốn, bên đối tác hợp tác kinh doanh phải thanh toán cho Công ty toàn bộ số tiền vốn góp và chịu mọi tổn thất có thể phát sinh. Số dư bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ông Phạm Khánh Duy	19.200.000.000	19.200.000.000
Bà Phạm Thị Lê	40.000.000.000	40.000.000.000
Bà Sầm Thị Hường	40.000.000.000	40.000.000.000
	99.200.000.000	99.200.000.000

(2) Số dư phân ánh khoản lãi phải thu của nhà đầu tư từ hợp đồng hợp tác cho vay đầu tư chứng khoán giữa Ngân hàng Tiên Phong, Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chứng khoán đứng vai trò trung gian kiểm soát tài sản đảm bảo của nhà đầu tư không được sụt giảm dưới mức cho phép.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	186.894.298	165.033.939
Tăng trong năm	3.508.843.544	3.002.923.658
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(3.469.442.964)	(2.981.063.299)
Giảm khác	(12.249.999)	-
Tại ngày 31/12	214.044.879	186.894.298

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.154.086	1.592.449
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	38.486.984
Chi phí thuê văn phòng	102.424.240	102.424.241
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	104.466.553	44.390.624
	214.044.879	186.894.298

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.135.247
Thuế Thu nhập cá nhân	12.115.660	16.149.967
	12.115.660	19.285.214

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	15.246.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	32.152.044	137.168.044
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	30.000.000	-
	77.398.044	137.168.044

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	1.338.203.819	9.037.434.401	10.375.638.220
Thanh lý, nhượng bán	(772.881.819)	(394.103.275)	(1.166.985.094)
Phân loại lại sang TSCĐ vô hình	-	(88.436.205)	(88.436.205)
Tại ngày 31/12/2014	565.322.000	8.554.894.921	9.120.216.921
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	766.487.883	7.079.336.275	7.845.824.158
Trích khấu hao	190.827.558	944.571.459	1.135.399.017
Thanh lý, nhượng bán	(397.175.390)	(292.778.662)	(689.954.052)
Phân loại lại sang TSCĐ vô hình	-	(63.379.291)	(63.379.291)
Tại ngày 31/12/2014	560.140.051	7.667.749.781	8.227.889.832
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	571.715.936	1.958.098.126	2.529.814.062
Tại ngày 31/12/2014	5.181.949	887.145.140	892.327.089

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	4.620.510.225	4.620.510.225
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	88.436.205	88.436.205
Tại ngày 31/12/2014	4.708.946.430	4.708.946.430
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	3.533.688.958	3.533.688.958
Trích khấu hao	649.750.999	649.750.999
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	63.379.291	63.379.291
Tại ngày 31/12/2014	4.246.819.248	4.246.819.248
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	1.086.821.267	1.086.821.267
Tại ngày 31/12/2014	462.127.182	462.127.182

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.336.070.725 đồng

105
NG T
NHÌM
G KIẾ
A A
DANI

S.G.
D

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	100.000.000	-
Phần mềm BankGateway	100.000.000	-
	100.000.000	-

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	1.502.491.707	1.280.289.662
Tăng trong năm	72.847.000	1.110.752.912
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.264.758.827)	(888.550.867)
Tại ngày 31/12	310.579.880	1.502.491.707

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	192.926.359	413.201.670
Chi phí thi công nội thất văn phòng, chi phí di dời văn phòng	-	868.361.808
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.653.521	220.928.229
	310.579.880	1.502.491.707

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.225.856.084	823.679.323
Tiền lãi phân bổ trong năm	208.829.888	99.100.725
Số dư cuối năm	1.554.685.972	1.042.780.048

CHỖ HỌ TÊN
 CHỖ CHỨC VỤ
 CHỖ CHỮ KÝ
 CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG

CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG

CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	39.645.946	-
Thuế Thu nhập cá nhân	67.515.950	300.762.976
	107.161.896	300.762.976

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng môi giới mua chứng khoán	180.861.111	-
Chi phí phải trả các Sở giao dịch chứng khoán	591.304.112	253.151.541
Chi phí đường truyền trang web	-	21.710.000
Trích trước chi phí điện nước	20.299.838	21.149.150
Chi phí phải trả khác	113.502.855	90.817.765
	905.967.916	386.828.456

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	93.504.529.377	34.051.203.949
Phải trả Ngân hàng TMCP Nam Việt khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân)	5.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nợ khác	804.194	640.317
	98.505.333.571	84.051.844.266

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	161.000.000.000	(38.106.810.424)	122.893.189.576
Lỗ trong năm	-	(2.446.259.571)	(2.446.259.571)
Tại ngày 31/12/2013	161.000.000.000	(40.553.069.995)	120.446.930.005
Lãi trong năm	-	5.856.037.491	5.856.037.491
Tại ngày 31/12/2014	161.000.000.000	(34.697.032.504)	126.302.967.496

0100
C
TRÁCH
HÀNH
A
HOÀN

01
01
00
IN
A
IN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Nam Việt (nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân)	10,99%	17.700.000.000	10,99%	17.700.000.000
Cổ đông khác	89,01%	143.300.000.000	89,01%	143.300.000.000
	100%	161.000.000.000	100%	161.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	161.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	161.000.000.000	161.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	161.000.000.000	161.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu	29.324.377.815	17.925.183.980
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	18.029.174.973	7.118.967.267
- Doanh thu hoạt động tư vấn	883.900.800	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.463.157.983	1.189.036.306
- Doanh thu khác	8.948.144.059	9.617.180.407
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	29.324.377.815	17.925.183.980

11105
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM TỐ
ASC
KIỂM - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.220.234.298	1.371.092.833
Chi phí hoạt động tư vấn	750.000	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.640.576.693	1.328.391.340
Chi phí khác	3.270.020.984	1.437.808.194
Chi phí trực tiếp chung	5.458.116.741	4.708.239.867
	13.589.698.716	8.845.532.234

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.734.783.133	3.718.084.421
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	251.286.377	195.945.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.136.226.456	1.939.281.233
Thuế, phí và lệ phí	402.352.471	486.053.458
Chi phí dự phòng	-	293.235.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.030.665.286	4.309.736.691
Chi phí khác bằng tiền	326.059.535	282.292.354
	9.881.373.258	11.224.628.705

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	578.390.653	-
Thu nhập khác	1.242.638	5.068.017
	579.633.291	5.068.017

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	99.857.279	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	477.031.042	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	6.219	40.000.000
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng thuê văn phòng	-	260.634.780
Chi phí khác	7.101	5.715.849
	576.901.641	306.350.629

CÔNG TY
 HỮU HẠN
 KIỂM TOÁN
ASC
 KIỂM

CÔNG TY
 HỮU HẠN
 KIỂM TOÁN
ASC
 KIỂM

1.011
 3
 H. K
 3/

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN NAVIBANK

Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Các khoản điều chỉnh tăng	74.250.000	40.000.000
- Chi phí không hợp lệ	74.250.000	40.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.126.125.715)	(36.006.521.415)
- Chuyển lỗ các năm trước	(30.126.125.715)	(36.006.521.415)
Tổng thu nhập tính thuế	(24.195.838.224)	(38.412.780.986)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.856.037.491	(2.446.259.571)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.100.000	16.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	364	(152)

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.146.078.247	-	50.913.186.326	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	107.109.125.188	-	134.627.101.007	-
Các khoản cho vay	14.700.000.000	-	12.500.000.000	-
	221.955.203.435	-	198.040.287.333	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	98.532.719.610	84.051.844.266
Chi phí phải trả	905.967.916	386.828.456
	99.438.687.526	84.438.672.722



TP. HANOI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.146.078.247	-	-	100.146.078.247
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	107.109.125.188	-	-	107.109.125.188
Các khoản cho vay	14.700.000.000	-	-	14.700.000.000
	221.955.203.435	-	-	221.955.203.435
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.913.186.326	-	-	50.913.186.326
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động GDCK, phải thu khác	134.627.101.007	-	-	134.627.101.007
Các khoản cho vay	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000
	198.040.287.333	-	-	198.040.287.333



11/11/14

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	98.532.719.610	-	-	98.532.719.610
Chi phí phải trả	905.967.916	-	-	905.967.916
	99.438.687.526	-	-	99.438.687.526
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	84.051.844.266	-	-	84.051.844.266
Chi phí phải trả	386.828.456	-	-	386.828.456
	84.438.672.722	-	-	84.438.672.722

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẪM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	93.504.529.377	34.051.203.949
	93.504.529.377	34.051.203.949

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty được chấp thuận đóng cửa căn cứ theo Quyết định số 830/QĐ-UBCK ngày 30/10/2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thực hiện bàn giao tài sản và số liệu tài chính cho Công ty căn cứ trên Biên bản bàn giao ngày 01/11/2014. Đến thời điểm 26/12/2014, do chưa thể hoàn tất các công việc đóng cửa Chi nhánh nên Công ty đã gửi Công văn số 79/2014/NVS/CV-TGD xin lùi thời gian hoàn thành các thủ tục đóng cửa đến ngày 02/02/2015. Đến ngày 09/03/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có quyết định số 212/QĐ-UBCK ngày 09/03/2015 về việc thu hồi Quyết định chấp thuận lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HO TH
CỒN
RẠCH NH
HÀNG K
AA
DAN KI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

Ng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
 Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Kinh doanh nguồn vốn		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	Hoạt động môi giới	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	18.029.174.973	8.948.144.059	2.347.058.783	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815	29.324.377.815
Chi phí bộ phận trực tiếp	8.678.351.039	3.270.020.984	1.641.326.693	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716	13.589.698.716
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	9.350.823.934	5.678.123.075	705.732.090	15.734.679.099	15.734.679.099	15.734.679.099	15.734.679.099	15.734.679.099
Tài sản bộ phận trực tiếp	95.059.215.349	105.868.684.445	824.963.325	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	24.396.790.622	24.396.790.622
Tổng tài sản	95.059.215.349	105.868.684.445	824.963.325	201.752.863.119	201.752.863.119	201.752.863.119	226.149.653.741	226.149.653.741
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	93.504.529.377	-	-	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	6.342.156.868	6.342.156.868
Tổng nợ phải trả	93.504.529.377	-	-	93.504.529.377	93.504.529.377	93.504.529.377	99.846.686.245	99.846.686.245

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANKTầng 6, Tòa nhà Handi Resco, số 521 Kim Mã, Ba Đình,
Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
		VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	714.136.165	1.218.942.892
Chi phí lãi vay phải trả			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	1.677.534.445	16.208.158

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	3.200.000.000	16.572.696.627
Phải thu			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	5.123.333	71.570.217
Phải trả			
Ngân hàng TMCP Nam Việt (*)	Cổ đông góp vốn	5.000.000.000	50.000.000.000

(*) Ngân hàng TMCP Nam Việt nay là Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.479.510.609	1.486.250.000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thanh Minh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Thủy
TP. Tài chính - Kế toánPhan Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015